TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ MH** **TỈNH HƯNG YÊN**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 48/2025/HNGĐ - ST
Ngày 05/6/2025
V/v Tranh chấp Hôn nhân và gia đình

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ MH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Lê Quốc Huy

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phan Xuân Hùng

Bà Đặng Thị Tuyết Hương

Thư ký phiên toà: Ông Phạm Đăng Toàn - Thư ký TAND thị xã MH

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã MH, tỉnh Hưng Yên tham gia phiên toà: Bà Dương Thị Duyên - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 6 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã MH mở phiên tòa xét xử công khai sơ thẩm vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 38/2025/TLST-HNGĐ ngày 02/4/2025 về việc "Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 15/2025/QĐXXST- HNGĐ ngày 21/5/2025 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Phạm Thị Hồng N, sinh năm 1997; Quê quán và đăng ký thường trú: thôn Ninh Tập, xã ĐT, huyện KC, tỉnh Hưng Yên; Nơi ở hiện nay: Căn hộ 2201, Tòa H2 chung cư E, phường HT, thành phố H, tỉnh Hải Dương (có mặt).

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn (để giải quyết về việc nuôi dưỡng con chung): Chị Trần Thị Hồng C, sinh năm 2002 (Địa chỉ: xã MT, thành phố N, tỉnh Nam Định), Chuyên viên pháp lý Công ty Luật TNHH LN.

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của chị N: Luật sư Đỗ Thị Ánh T - Công ty Luật TNHH LN - Đoàn Luật sư Thành phố Hà Nội (Địa chỉ: Phòng 007, Tòa nhà AB Mạc Thái Tổ, CG, Hà Nội.

2. Bị đơn: Anh Phạm Thành L, sinh năm 1995; Nơi thường trú: TDP Ngo, phường BS, thị xã MH, tỉnh Hưng Yên (có mặt).

3. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Cháu Phạm Uyên Nhi, sinh ngày 13/10/2021 hiện đang ở với mẹ. Người đại diện hợp pháp của cháu Nhi: Anh Phạm Thành L và chị Phạm Thị Hồng N.

4. Người làm chứng:

Bà Nguyễn Thị D, sinh năm 1968 (mẹ anh L); địa chỉ: TDP Ngo, phường BS, thị xã MH, tỉnh Hưng Yên (Có mặt).

Bà Dương Thị LA, sinh năm 1978 (mẹ chị N); địa chỉ: thôn Ninh Tập, xã ĐT, huyện KC, tỉnh Hưng Yên (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và lời khai của nguyên đơn chị Phạm Thị Hồng N thể hiện: Chị và anh Phạm Thành L kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường BS, thị xã MH ngày 12/3/2021. Sau khi cưới chị về ngay nhà anh L làm ăn, chung sống. Thời gian đầu vợ chồng chung sống khá hạnh phúc. Tuy nhiên, khoảng 1 năm trở lại đây vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, không tìm được tiếng nói chung. Nguyên nhân do anh L nghi ngờ chị có quan hệ tình cảm bên ngoài, không chung thủy. Chị đã giải thích với anh L nhưng anh L không tin, tình cảm vợ chồng lạnh nhạt. Vợ chồng không còn có sự đồng cảm, thấu hiểu nhau. Do việc chung sống phát sinh nhiều mâu thuẫn, ảnh hưởng đến tinh thần nên vợ chồng sống ly thân từ tháng 12/2024 đến nay, chị thuê nhà ra ở riêng gần nơi làm việc tại thành phố Hải Dương, còn anh L vẫn sống cùng với bố mẹ đẻ tại phường BS, thị xã MH. Chị nhận thấy cuộc sống hôn nhân đã lâm vào trầm trọng, gia đình hai bên đã cố gắng hòa giải nhiều lần nhưng không thành. Nay chị xét thấy tình cảm vợ chồng đã hết nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị và anh L ly hôn để sớm ổn định cuộc sống mới và lo cho con cái ăn học.

Anh Phạm Thành L trình bày: Về việc kết hôn và thời gian chung sống như chị N khai. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống rất hạnh phúc. Đến đầu năm 2024 anh thấy vợ có nhiều biểu hiện lạ, đổi mật khẩu điện thoại và hay gọi điện về ban đêm. Anh sinh nghi nên đã theo dõi một thời gian thì phát hiện chị N có quan hệ yêu đương người khác nhưng do anh không đủ chứng cứ nên chị N vẫn cãi làm cho anh bị trầm cảm nhẹ. Sau đó thì chị N cũng xin lỗi và hứa sửa sai nhưng rồi họ vẫn lén lút thân mật với nhau. Mâu thuẫn đỉnh điểm từ tháng 11/2024 vợ chồng cãi nhau to, chị N bỏ xuống Hải Dương thuê chung cư ở. Anh đã cố gắng hàn gắn rất nhiều nhưng không được, vợ chồng vẫn sống ly thân mỗi người ở một nơi, nếu có quay về ở với nhau thì tình cảm vợ chồng cũng không còn như trước. Nay anh xác định mâu thuẫn đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nếu cứ kéo dài sẽ ảnh hưởng rất nhiều đến cuốc sống, tâm lý và công việc. Vì vậy, anh nhất trí ly hôn với chị N để mỗi bên ổn định cuộc sống.

Về con chung: Chị N và anh L có một con chung là cháu Phạm Uyên NH, sinh ngày 13/10/2021. Ban đầu thì chị N đưa cháu Nhi ra ở cùng chị tại Hải Dương, nhưng đến tháng 01/2025 anh L đón cháu Nhi về ở cùng với anh từ đó đến nay. Quá trình giải quyết các bên đều có nguyện vọng được nuôi dưỡng con chung và cung cấp chứng cứ về chỗ ở, tài sản và thu nhập để chứng minh về khả năng, điều kiện để nuôi con. Các bên cũng đưa ra quan điểm khác nhau để phản đối quyền nuôi con của bên kia. Chị N cho rằng cháu Nhi còn nhỏ, anh L phải đi làm thời gian không ổn định, cháu lại là con gái nên ở với mẹ sẽ tốt hơn. Còn phía anh L cho rằng nguyên nhân dẫn đến ly hôn là do chị N ngoại tình nên ảnh hưởng đến sự phát triển của con. Mặt khác chị N đang đi thuê nhà sẽ không ổn định, còn anh đang có chỗ ở ổn định cùng với bố mẹ

đẻ tại phường BS, cháu Nhi ở cùng anh sẽ đi học trường mần Non gần nhà thuận tiện hơn.

Về tài sản: Các bên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện hai bên gia đình anh L và chị N đều có ý kiến đã nhiều lần hòa giải, vun vén cho anh chị đoàn tụ nhưng không có kết quả. Về vấn đề nuôi dưỡng con chung, hai gia đình mong muốn hai anh chị thương lượng, hòa giải với nhau, trường hợp Tòa án quyết định giao con cho bên nào thì gia đình cũng có trách nhiệm hỗ trợ để anh chị nuôi dưỡng cháu.

Tại phiên tòa: Các bên vẫn giữ nguyên nội dung, quan điểm như trên.

Về quan hệ hôn nhân: Cả chị N và anh L đều nhất trí ly hôn.

Về con chung: Các bên vẫn giữ nguyên quan điểm, yêu cầu được nuôi dưỡng con chung và đều tự nguyện không yêu cầu bên kia cấp dưỡng nuôi con.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn và Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của nguyên đơn trình bày ý kiến thể hiện nguyện vọng của chị N mong muốn được nuôi dưỡng con không chỉ vì trách nhiệm mà còn là tình cảm thiêng liêng của người mẹ dành cho con. Theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình thì con dưới 36 tháng tuổi sẽ giao cho mẹ, trong khi cháu Nhi vừa mới bước qua độ tuổi này chỉ vài tháng, cháu vẫn còn quá bé nên rất cần sự chăm sóc của mẹ. Chị N có đủ điều kiện vật chất, thời gian để nuôi con, đặc biệt là sự gắn kết tình cảm giữa mẹ và con gái.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã MH phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, HĐXX và Thư ký trong quá trình giải quyết vụ án đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng. Người tham gia tố tụng đã chấp hành đầy đủ các quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình. Về đường lối giải quyết vụ án, VKS đề nghị công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị N và anh L. Giao cho chị N nuôi dưỡng cháu Phạm Uyên Nhi đến khi thành niên. Chấp nhận sự tự nguyện của chị N không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con. Anh L có quyền thăm nom con chung. Về tài sản không xem xét, giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Chị Phạm Thị Hồng N xin ly hôn anh Phạm Thành L đăng ký thường trú ở phường BS, thị xã MH, tỉnh Hưng Yên nên đây là vụ án về hôn nhân và gia đình, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã MH theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị N và anh L kết hôn tự nguyện, có đủ các điều kiện kết hôn theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường BS, thị xã MH ngày 12/3/2021 nên quan hệ hôn nhân giữa chị N và anh L là hợp pháp, nay chị N có yêu cầu ly hôn sẽ được giải quyết theo thủ tục chung.

Quá trình giải quyết vụ án, cả chị N và anh L đều xác nhận vợ chồng mâu thuẫn căng thẳng từ cuối năm 2024 đến nay, vợ chồng sống ly thân, chị N thuê nhà ra ở riêng tại thành phố Hải Dương, còn anh L ở tại phường BS, thị xã MH. Đến nay cả hai bên nhận thấy mâu thuẫn đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài nên đều nhất trí giải quyết ly hôn để sớm ổn định cuộc

sống. Xét quan điểm của chị N và anh L về thuận tình ly hôn là tự nguyện, phù hợp tình trạng mâu thuẫn của vợ chồng, không trái pháp luật nên được chấp nhận.

[3] Về con chung: Chị N và anh L có 1 con chung là cháu Phạm Uyên Nhi, sinh ngày 13/10/2021. Cả chị N và anh L đều có nguyện vọng được nuôi con. Điều 81 Luật hôn nhân gia đình quy định: *Vợ, chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ, quyền của mỗi bên sau khi ly hôn đối với con; trường hợp không thỏa thuận được thì Tòa án quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con*. Anh L cho rằng chị do chị N ngoại tình nên giao con cho chị N nuôi sẽ ảnh hưởng đến tâm lý và tình cảm của con. Về vấn đề chị N có ngoại tình hay không cũng chưa có bằng chứng rõ ràng và giả sử vấn đề ngoại tình là nguyên nhân dẫn đến ly hôn thì cũng không phải là lý do để chị N bị tước bỏ quyền nuôi con, trừ khi việc ngoại tình đó làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến tâm lý, đạo đức, sự phát triển của con hoặc có hành vi gây nguy hại đến sức khỏe hoặc tinh thần của con. Quá trình giải quyết và chứng cứ các bên đưa ra thì đều không thấy chị N có dấu hiệu vi phạm những điều trên nên lý do anh L đưa ra được loại trừ.

Như đã viện dẫn ở trên, việc giao cho ai nuôi con là phải căn cứ vào quyền lợi mọi mặt của con. Quyền lợi mọi mặt của con có thể được xem xét ở các khía cạnh sau: *Chỗ ở, thu nhập, điều kiện làm việc, thời gian và khả năng chăm sóc con của bố mẹ, sự gắn kết tình cảm giữa con với bố mẹ.* Căn cứ vào chứng cứ các bên xuất trình, thì chị N và anh L đều có chỗ ở, thu nhập ổn định. Xét về thời gian làm việc của mỗi bên theo xác nhận của công ty nơi chị N và anh L đang làm việc thì cả hai đều là nhân viên hành chính, thời gian làm việc 8 tiếng mỗi ngày, trong giờ hành chính. Về mặt này hai bên cũng có điều kiện ngang nhau. Xét về môi trường học tập, trông giữ trẻ thì cả hai đều đăng ký cho con học, đi nhà trẻ, mẫu giáo gần chỗ ở. Xét về sự gắn kết tình cảm thì rõ ràng chị N có ưu thế hơn anh L vì cháu Nhi là con gái, vẫn còn nhỏ sẽ được ưu tiên cho người mẹ hơn, mặt khác việc chăm sóc, nuôi dưỡng của người mẹ đối với con cái là thiên chức bản năng nên kỹ lưỡng và tỉ mỉ hơn. Mặt khác, cháu Nhi mới được hơn 4 tuổi, vừa bước qua độ tuổi mà theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình tại khoản 3 Điều 81 quy định: Con dưới 36 tháng tuổi được giao cho mẹ trực tiếp nuôi. Như vậy, căn cứ vào điều kiện hoàn cảnh thực tế của các bên, điều kiện, khả năng chăm sóc, sự gắn kết tình cảm và quy định của pháp luật thì chị N có lợi thế để nuôi con hơn anh L. Vì vậy, cần giao cháu Phạm Uyên NH cho chị N nuôi dưỡng. Chấp nhận sự tự nguyện của chị N không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con. Anh L có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở anh L thực hiện quyền này. Các bên có thể thỏa thuận về thời gian, địa điểm, số lần thăm nom con chung để không làm xáo trộn sinh hoạt và học tập bình thường của con.

[4] Về tài sản: cả chị N và anh L đều trình bày hai bên tự thỏa thuận nên không đặt ra giải quyết.

[5] Về án phí: Chị N phải chịu cả án phí sơ thẩm ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự. Điều 51, 55, 81, 82, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án. Khoản 1 Điều 3 và điểm a khoản 2 Điều 11 Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao về Hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về hôn nhân và gia đình.

1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Phạm Thị Hồng N và anh Phạm Thành L ly hôn.

2. Về con chung: Chị N và anh L có 01 con chung là cháu Phạm Uyên NH, sinh ngày 13/10/2021 hiện đang ở cùng với anh L. Giao cho chị N được nuôi dưỡng, chăm sóc con chung cho tới khi cháu Uyên NH thành niên (đủ 18 tuổi). Ghi nhận sự tự nguyện của chị N không yêu cầu anh L phải cấp dưỡng nuôi con chung. Anh L có quyền thăm nom con chung, không ai được ngăn cản anh L thực hiện quyền này.

Anh L có nghĩa vụ giao cháu Uyên Nhi cho chị N nuôi dưỡng theo quyết định của bản án này.

Vì lợi ích của con chung, chị N và anh L có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật.

3. Về tài sản: Không đặt ra xem xét, giải quyết.

4. Về án phí: Chị Phạm Thị Hồng N tự nguyện chịu cả 150.000đ *(Một trăm năm mươi nghìn đồng)* án phí sơ thẩm ly hôn. Đối trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị N đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0003574 ngày 02/4/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã MH. Trả lại chị N 150.000đ *(Một trăm năm mươi nghìn đồng)* tạm ứng án phí sơ thẩm ly hôn.

5. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh (P. KTNV);
- VKSND thị xã MH;
- Chi cục THDS thị xã MH;
- Các đương sự;
- UBND phường BS;
- Lưu HSVA, Tòa DS.;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Quốc Huy